

**AASC**

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*Báo cáo tài chính  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007  
đã được kiểm toán*

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM**  
**SOUTHERN AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES COMPANY LIMITED (AASCS)**

29 Võ Thị Sáu, Quận 1, TP. HCM  
E-mail: [aascs@vnn.vn](mailto:aascs@vnn.vn)

Tel: (84.8) 8205944 - 8205947

Fax: (84.8) 8205942  
Website: [www.aascs.com.vn](http://www.aascs.com.vn)



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*Báo cáo tài chính  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007  
đã được kiểm toán*

**ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN:**

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH  
KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCs)**



## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính 2007 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007.

### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Thành phố Hồ Chí Minh là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước Công ty Xuất nhập khẩu Y tế Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 60/2001/QĐ-TTg ngày 24/04/2001 của Thủ tướng Chính phủ. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000534 ngày 01/08/2001, được thay đổi lần thứ 7 ngày 26/12/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Ngành, nghề kinh doanh: Sản xuất, kinh doanh xuất nhập khẩu được phẩm, được liệu, trang thiết bị, vật tư y tế. Được phép kinh doanh đa ngành nghề theo quy định của pháp luật. Mua bán vắc-xin, sinh phẩm, hóa chất dùng trong phòng thí nghiệm và nghiên cứu khoa học (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), mỹ phẩm, sữa, sản phẩm dinh dưỡng, kính đeo mắt, vật tư - máy móc - phụ tùng các loại. Sửa chữa, bảo trì các loại máy móc và thiết bị y tế. Cho thuê kho bãi, văn phòng, mặt bằng. Sản xuất, mua bán tinh dầu, hương liệu, nông-lâm sản, thực phẩm, thiết bị ngành y tế và ngành thực phẩm, thiết bị khoa học kỹ thuật, xe cứu thương, xe cứu hỏa, thang máy, lò thiêu (xác, xử lý rác), máy giặt công nghiệp, máy phát điện, hàng điện tử và linh kiện điện tử, hàng trang trí nội thất (không sản xuất tại trụ sở công ty). Mua bán vật liệu ngành in. In trên bao bì (không in tại trụ sở công ty). Kinh doanh bất động sản (trừ môi giới, định giá, sản giao dịch bất động sản). Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp. Dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu. Kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô. Dịch vụ kế khai hải quan. Đại lý thu đổi ngoại tệ. Nhà hàng ăn uống (không hoạt động tại trụ sở công ty). Giải tử. Tư vấn du học. Tổ chức hội nghị, hội thảo. Kinh doanh lữ hành nội địa, quốc tế. Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa. Kinh doanh dịch vụ quảng cáo thương mại. Môi giới thương mại.

Vốn điều lệ của Công ty là 28.000.000.000 đồng.

Các đơn vị trực thuộc

<b>Tên đơn vị</b>	<b>Địa chỉ</b>
Chi nhánh Hà Nội	Số 9 ngách 97/24 Văn Cao, Phường Liễu Giai, Quận Ba Đình, Hà Nội
Chi nhánh Đà Nẵng	146 Quang Trung, Phường Thạch Thang, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng
Chi nhánh Cần Thơ	69 Cách Mạng Tháng Tám, Phường An Hòa, Quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ
Chi nhánh Quy Nhơn	297A Nguyễn Huệ, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định
Nhà thuốc Yteco số 1	98 Khu vực 1, Phường 7, Thị xã Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang
Hiệu thuốc số 1	Trung tâm Thương mại Dược phẩm và trang thiết bị Y tế - số 134/1 Tô Hiến Thành, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh
Hiệu thuốc số 2	Trung tâm Dược phẩm Phú Thọ - 940 Đường 3/2, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh.
Hiệu thuốc số 3	68 Cách mạng tháng Tám, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh
Hiệu thuốc số 4	68 Cách mạng tháng Tám, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh
Hiệu thuốc số 5	37D Thuận Kiều, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh
Hiệu thuốc số 6	65 Thuận Kiều, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh
Hiệu thuốc số 7	90 Hàm Nghi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

## **CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên báo cáo tài chính.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đến ngày lập Báo cáo tài chính này bao gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông	VŨ KHÁNH	Chủ tịch
Ông	NGUYỄN XUÂN CẨM	Thành viên
Ông	LÊ THIÊN PHƯỚC	Thành viên
Ông	TRẦN VĂN THUNG	Thành viên
Ông	TRINH ĐÀO CUNG	Thành viên
Bà	DƯƠNG THỊ XUÂN HÀ	Thành viên

#### **Ban Giám đốc**

Ông	LÊ THIÊN PHƯỚC	Giám đốc
Ông	TRINH ĐÀO CUNG	Phó Giám đốc
Ông	TRƯƠNG MINH THOẠI	Phó Giám đốc (QĐ thời việc 25/2007/QĐ/YTC-NSHC-04/04/07)
Bà	NGUYỄN THỊ ĐIỀU TRINH	Phó Giám đốc (QĐ thời việc 219/2007/QĐ/YTC-NSHC-17/12/07)
Bà	DƯƠNG THỊ XUÂN HÀ	Phó Giám đốc (QĐ thời việc 174/2007/QĐ/YTC-NSHC-03/12/07)
Ông	NGUYỄN HẢI HÀ	Kế toán trưởng

#### **Ban Kiểm soát**

Bà	VŨ THỊ THU CÚC	Trưởng ban
Ông	NGUYỄN QUANG VINH	Thành viên

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính năm 2007 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phú Nam (AASCS).

### **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**  
Số 181 Nguyễn Đình Chiểu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

---

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2007, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính 2007, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Ngày 24 tháng 03 năm 2008

**TM BAN GIÁM ĐỐC**

Giám đốc



Lê Thiện Phước





Số HỒ BCKT/TC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính năm tài chính 2007 kết thúc vào ngày 31/12/2007  
của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Thành phố Hồ Chí Minh

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Thành phố Hồ Chí Minh được lập ngày 24 tháng 03 năm 2008 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2007, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính năm tài chính 2007 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 được trình bày từ trang 07 đến trang 26 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

### Cơ sở đưa ra ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thủ tục nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu về tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Thành phố Hồ Chí Minh tại ngày 31 tháng 12 năm 2007, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính 2007, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

TP HCM, ngày 16 tháng 4 năm 2008

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH  
KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCs)**



**ĐỖ KHẮC THANH**  
Chứng chỉ KTV số Đ0964/KTV

Kiểm Toán Viên

**NGUYỄN VŨ**  
Chứng chỉ KTV số 0699/KTV

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính : VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>159.346.918.065</b>	<b>157.411.108.227</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>11.410.872.252</b>	<b>9.165.396.458</b>
1. Tiền	111	V.01	11.410.872.252	9.165.396.458
2. Các khoản tương đương tiền	112			
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.02</b>	<b>10.000.000.000</b>	<b>10.000.000.000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		10.000.000.000	10.000.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129			
<b>III. Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>		<b>84.870.368.291</b>	<b>71.880.802.333</b>
1. Phải thu của khách hàng	131		78.300.109.750	68.185.072.030
2. Trả trước cho người bán	132		4.781.653.423	2.143.566.403
3. Phải trả nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Các khoản phải thu khác	135	V.03	2.586.759.034	2.350.317.816
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(798.153.916)	(798.153.916)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.04</b>	<b>46.404.107.139</b>	<b>46.479.729.613</b>
1. Hàng tồn kho	141		47.630.820.437	47.702.452.781
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	142		(1.226.713.298)	(1.222.723.168)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>6.661.570.383</b>	<b>19.885.179.823</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		5.000.000	14.500.003
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		294.800.233	608.417.944
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.05	310.059.853	
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.06	6.051.710.297	19.262.261.876

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính : VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>8.303.495.537</b>	<b>6.868.166.998</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218			
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>7.545.947.196</b>	<b>5.746.904.788</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	5.727.640.789	4.387.640.278
- Nguyên giá	222		10.276.844.324	8.318.772.916
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(4.549.203.535)	(3.931.132.638)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.08	633.407.706	505.782.680
- Nguyên giá	225		735.533.545	523.136.640
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		(102.125.839)	(17.353.960)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.09	722.744.722	769.818.194
- Nguyên giá	228		1.709.023.600	1.689.023.600
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(986.278.878)	(919.205.406)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.10	462.153.979	83.663.636
III. Bất động sản đầu tư	240	V.11	361.064.557	396.119.365
- Nguyên giá	241		870.771.720	870.771.720
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		(509.707.163)	(474.652.355)
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>91.600.000</b>	<b>91.600.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.12	91.600.000	91.600.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259			
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>304.883.784</b>	<b>633.542.845</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.13	177.816.684	279.057.099
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262			
3. Tài sản dài hạn khác	268		127.067.100	354.485.746
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>167.650.413.602</b>	<b>164.279.275.225</b>



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>131.094.289.798</b>	<b>127.873.541.112</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>128.017.297.233</b>	<b>126.153.006.216</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.14	22.527.483.227	9.038.557.660
2. Phải trả người bán	312		87.940.755.304	90.342.049.705
3. Người mua trả tiền trước	313		12.415.518.252	18.838.355.918
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.15	528.047.341	1.029.707.700
5. Phải trả người lao động	315			
6. Chi phí phải trả	316	V.16	58.884.000	94.442.000
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.17	4.546.609.109	6.809.893.233
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>3.076.992.565</b>	<b>1.720.534.896</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333		2.436.052.307	1.474.886.400
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.18	640.940.258	245.648.496
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>36.556.123.804</b>	<b>36.405.734.113</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.19</b>	<b>35.593.577.056</b>	<b>35.429.083.406</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		28.000.000.000	28.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ	414			
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		4.845.850.007	4.524.474.745
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.397.628.443	1.168.074.684
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		1.350.098.606	1.736.533.977
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421			
<b>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>962.546.748</b>	<b>976.650.707</b>
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		962.546.748	976.650.707
2. Nguồn kinh phí	432			
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>167.650.413.602</b>	<b>164.279.275.225</b>

Ghi chú: Số liệu trong các chỉ tiêu có dấu (\*) được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn

### CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vài tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		17.293.920	17.293.920
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ các loại		343.327,53	2.861,64
- Đô la Mỹ		622,26	1.634,58
- Euro			
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

Người lập biểu

CN. Nguyễn Thị Thủy

Kế toán trưởng

Nguyễn Hải Hà



0208  
CÔNG  
CHÍNH  
VỤ TƯ  
TOÁN  
PHI  
/ T

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm 2007

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.20	226.932.182.327	174.517.583.831
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		2.174.154.855	3.998.129.917
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		224.758.027.472	170.519.453.914
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.21	208.811.135.271	157.401.700.268
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		15.946.892.201	13.117.753.646
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.22	2.327.871.182	1.723.228.447
7. Chi phí tài chính	22	VI.23	1.377.365.597	627.872.416
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		989.070.466	38.601.997
8. Chi phí bán hàng	24		6.581.268.455	4.434.279.049
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		5.489.048.978	4.384.542.665
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4.827.080.353	5.394.287.963
11. Thu nhập khác	31		1.585.439.461	997.755.150
12. Chi phí khác	32		26.246.528	46.286.406
13. Lợi nhuận khác	40		1.559.212.933	951.468.744
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		6.386.293.286	6.345.756.707
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.24	1.795.218.117	1.870.321.842
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		4.591.075.169	4.475.434.865
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.25	16.397	15.984

Người lập biểu

CN. Nguyễn Thị Thuý

Kế toán trưởng

Nguyễn Hải Hà



tháng 03 năm 2008

Trần Đức

Trần Đức

Trần Đức

Trần Đức

Trần Đức

Trần Đức

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2007

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		6.386.293.286	6.345.756.708
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>				
- Khấu hao tài sản cố định	02		816.593.424	571.017.905
- Các khoản dự phòng	03		3.990.130	(2.280.588.753)
- (Lãi)/hỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.238.341.333)	(78.553.482)
- Chi phí lãi vay	06		989.070.466	38.601.997
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		6.957.605.973	4.596.234.375
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		451.962.125	(37.194.429.396)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		71.632.344	(6.014.308.811)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		(11.762.174.416)	29.557.000.851
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		110.740.418	(261.829.832)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(989.070.466)	(38.601.997)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(1.884.356.973)	(2.061.418.946)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(1.030.912.817)	(526.046.246)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20		<b>(8.074.573.812)</b>	<b>(11.943.900.003)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(2.374.338.842)	(554.412.793)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			84.895.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			(10.000.000.000)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.238.341.333	
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30		<b>(1.135.997.509)</b>	<b>(10.469.517.792)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		46.762.941.988	8.909.517.815
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(33.005.699.657)	(169.693.219)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		(129.039.845)	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(2.172.155.371)	(3.154.582.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40		<b>11.456.047.115</b>	<b>5.585.242.596</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	50		<b>2.245.475.794</b>	<b>(16.828.175.199)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		9.165.396.458	25.993.571.657
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ ( 50+60+61 )</b>	70	VII.26	<b>11.410.872.252</b>	<b>9.165.396.458</b>

Người lập biểu

CN. Lê Thị Thủy

Kế toán trưởng

Nguyễn Hải Hà



Ngày 03 năm 2008

Giám Đốc

Nguyễn Phước

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2007

### I. Đặc điểm hoạt động của Công ty

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Thành phố Hồ Chí Minh là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước Công ty Xuất nhập khẩu Y tế Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 60/2001/QĐ-TTg ngày 24/04/2001 của Thủ tướng Chính phủ. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000534 ngày 01/08/2001, được thay đổi lần thứ 7 ngày 26/12/2007 do Sơ Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Ngành, nghề kinh doanh: Sản xuất, kinh doanh xuất nhập khẩu dược phẩm, dược liệu, trang thiết bị, vật tư y tế. Được phép kinh doanh đa ngành nghề theo quy định của pháp luật. Mua bán vắc-xin, sinh phẩm, hóa chất dùng trong phòng thí nghiệm và nghiên cứu khoa học (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), mỹ phẩm, sữa, sản phẩm dinh dưỡng, kính đeo mắt, vật tư – máy móc – phụ tùng các loại. Sửa chữa, bảo trì các loại máy móc và thiết bị y tế. Cho thuê kho bãi, văn phòng, mặt bằng. Sản xuất, mua bán tinh dầu, hương liệu, nông-lâm sản, thực phẩm, thiết bị ngành y tế và ngành thực phẩm, thiết bị khoa học kỹ thuật, xe cứu thương, xe cứu hỏa, thang máy, lò thiêu (xác, xử lý rác), máy giặt công nghiệp, máy phát điện, bảng điện tử và linh kiện điện tử, hàng trang trí nội thất (không sản xuất tại trụ sở công ty). Mua bán vật liệu ngành in. In trên bao bì (không in tại trụ sở công ty). Kinh doanh bất động sản (trừ môi giới, định giá, sản giao dịch bất động sản). Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp. Dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu. Kinh doanh văn tài hàng bằng ô tô. Dịch vụ kê khai hải quan. Đại lý thu đổi ngoại tệ. Nhà hàng ăn uống (không hoạt động tại trụ sở công ty). Giặt ủi. Tư vấn du học. Tổ chức hội nghị, hội thảo. Kinh doanh lữ hành nội địa, quốc tế. Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa. Kinh doanh dịch vụ quảng cáo thương mại. Môi giới thương mại.

Vốn điều lệ của Công ty là 28.000.000.000 đồng.

Các đơn vị trực thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Hà Nội	Số 9 gác 5/7/24 Văn Cao, Phường Liễu Giai, Quận Ba Đình, Hà Nội
Chi nhánh Đà Nẵng	146 Quang Trung, Phường Thạch Thang, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng
Chi nhánh Cần Thơ	69 Cách Mạng Tháng Tám, Phường An Hòa, Quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ
Chi nhánh Quy Nhơn	297A Nguyễn Huệ, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định
Nhà thuốc Yteco số 1	98 Khu vực 1, Phường 7, Thị xã Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang
Hiệu thuốc số 1	Trung tâm Thương mại Dược phẩm và trang thiết bị Y tế - số 134/1 Tô Hiến Thành, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh
Hiệu thuốc số 2	Trung tâm Dược phẩm Phú Thọ - 940 Đường 3/2, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh.
Hiệu thuốc số 3	68 Cách mạng tháng Tám, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh
Hiệu thuốc số 4	68 Cách mạng tháng Tám, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh
Hiệu thuốc số 5	37D Thuận Kiều, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh
Hiệu thuốc số 6	65 Thuận Kiều, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh
Hiệu thuốc số 7	90 Hàm Nghi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

### II. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ trong kế toán

#### 1. Niên độ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. Chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực ban hành kèm theo. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền và tương đương tiền:

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn (không quá 3 tháng) có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

*Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi đồng tiền khác:*

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

2. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho:

2.1. Nguyên tắc định giá hàng tồn kho: Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến, và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Những chi phí không được tính vào giá gốc của hàng tồn kho:

- Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất.
- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường.
- Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng.
- Chi phí bán hàng.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp.

2.2. Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.



**2.3. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:** Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**2.4. Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:** Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Phương pháp trích lập dự phòng như sau:

- Đối với hàng hoá chờ thanh lý, kém phẩm chất, quá hạn sử dụng hoặc có hạn sử dụng dưới 6 tháng: dự phòng 100% giảm giá giá trị.
- Đối với hàng hoá có hạn sử dụng dưới 1 năm và trên 6 tháng: dự phòng giảm giá 50% giá trị.

**3. Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:**

**Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định:** Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế giá trị gia tăng) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

**Phương pháp khấu hao tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình:**

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	07 năm
- Phương tiện vận tải	10 năm
- Thiết bị văn phòng	05 - 12 năm
- Tài sản cố định vô hình	25 năm
- Phần mềm máy tính	8 năm

**4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư:**

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Bất động sản đầu tư được tính, trích khấu hao như TSCĐ khác của Công ty.

**5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:**

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn;

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

**6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay:**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**  
Số 181 Nguyễn Đình Chiểu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

(được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

**7. Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí khác:**

**Chi phí trả trước:** Chi phí trả trước phân bổ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp tài sản cố định trong kỳ được vốn hóa vào tài sản cố định đang được đầu tư hoặc cải tạo, nâng cấp đó.

**Chi phí khác:** Chi phí khác phục vụ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp tài sản cố định trong kỳ được vốn hóa vào tài sản cố định đang được đầu tư hoặc cải tạo, nâng cấp đó.

**Phương pháp phân bổ chi phí trả trước:**

Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

**8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá trị thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi nhận theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ các khoản thuế phải nộp liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và không bổ sung vốn kinh doanh từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị của Công ty.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phản ánh trên Bảng Cân đối kế toán là chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh hoặc đánh giá lại cuối kỳ của các khoản mục có gốc ngoại tệ của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh đo áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

**9. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu:**

**Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:**

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

CÔNG  
TY CỔ PHẦN  
Y TẾ  
THÀNH PHỐ  
HỒ CHÍ MINH  
TP. HCM



*Doanh thu cung cấp dịch vụ* được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu đó được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

*Doanh thu hoạt động tài chính:* Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

#### 10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

#### 11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.



**V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán**

Đơn vị tính: VND

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt	672.594.190	324.325.570
- Tiền gửi ngân hàng	10.738.278.062	8.841.070.888
<b>Cộng</b>	<b>11.410.872.252</b>	<b>9.165.396.458</b>

**2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền gửi kỳ hạn (*)	10.000.000.000	10.000.000.000

(\*) Đây là khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn theo Hợp đồng số 020707/MSB-SG ngày 03/07/2007. Khoản tiền này đã được thế chấp để vay ngắn hạn bù sung vốn lưu động.

**3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tại Văn phòng Công ty	969.494.457	1.764.023.224
- Hiệu thuốc số 1	426.430.020	460.719.660
- Hiệu thuốc số 2	9.366.299	11.437.930
- Hiệu thuốc số 3	714.656.734	-
- Chi nhánh Hà Nội	189.064.784	-
- Chi nhánh Đà Nẵng	53.390.384	18.961.358
- Chi nhánh Cần Thơ	224.356.356	95.175.644
<b>Cộng</b>	<b>2.586.759.034</b>	<b>2.350.317.816</b>

**4. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Hàng mua đang đi đường	-	4.666.655.144
- Hàng hoá	47.630.820.437	43.035.797.637
Cộng giá gốc hàng tồn kho	47.630.820.437	47.702.452.781
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.226.713.298)	(1.222.723.168)
<i>Ghi chú:</i>		
+ Giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm 2007:	1.222.723.168	
+ Trích dự phòng giảm giá hàng tồn kho năm 2007:	1.226.713.298	

**5. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Thuế giá trị gia tăng nộp thừa	310.059.853	-

**6. Tài sản ngắn hạn khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tạm ứng	408.928.074	131.109.931
- Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	5.387.549.229	18.875.918.951
- Tài sản thiếu chờ xử lý	255.232.994	255.232.994
<b>Cộng</b>	<b>6.051.710.297</b>	<b>19.262.261.876</b>

7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
<b>I- Nguyên giá TSCĐ hữu hình</b>					
Số dư đầu năm	5.947.477.841	150.352.358	1.355.170.000	865.772.717	8.318.772.916
Mua trong năm	-	-	1.280.110.023	279.883.916	1.559.993.939
Đầu tư XDCC hoàn thành	415.854.560	-	-	-	415.854.560
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	17.777.091	17.777.091
Số dư cuối năm	6.363.332.401	150.352.358	2.635.280.023	1.127.879.542	10.276.844.324
<b>II- Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
1- Số dư đầu năm	2.456.490.201	57.210.398	978.394.427	439.037.612	3.931.132.638
2- Khấu hao trong năm	280.564.765	24.435.014	181.489.351	143.204.135	629.693.265
3- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	11.622.368	11.622.368
4- Số dư cuối năm	2.737.054.966	81.645.412	1.159.883.778	570.619.379	4.549.203.535
<b>III- Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình</b>					
1- Tại ngày đầu năm	3.490.987.640	93.141.960	376.775.573	426.735.105	4.387.640.278
2- Tại ngày cuối năm	3.626.277.435	68.706.946	1.475.396.245	557.260.163	5.727.640.789

Công ty đã thế chấp xe Toyota biển số 50Z-0549 tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (MSB) - Chi nhánh Sài Gòn cho Hợp đồng tín dụng số 0025/07/SG ngày 21/06/2007.

8. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

Chỉ tiêu	Phương tiện vận tải	Tổng cộng
<b>I- Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính</b>		
Số dư đầu năm	523.136.640	523.136.640
Thuê tài chính trong năm	212.396.905	212.396.905
Trả lại tài sản thuê tài chính	-	-
Số dư cuối năm	735.533.545	735.533.545
<b>II- Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Số dư đầu năm	17.353.960	17.353.960
Khấu hao trong năm	84.771.879	84.771.879
Trả lại tài sản thuê tài chính	-	-
Số dư cuối năm	102.125.839	102.125.839
<b>III- Giá trị còn lại của TSCĐ thuê tài chính</b>		
Tại ngày đầu năm	505.782.680	505.782.680
Tại ngày cuối năm	633.407.706	633.407.706

9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính, website	Tổng cộng
<b>I- Nguyên giá TSCĐ vô hình</b>			
1- Số dư đầu năm	1.633.223.600	55.800.000	1.689.023.600
2- Mua trong năm	-	20.000.000	20.000.000
3- Số giảm trong năm	-	-	-
4- Số dư cuối năm	1.633.223.600	75.800.000	1.709.023.600
<b>II- Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
1- Số dư đầu năm	863.405.406	55.800.000	919.205.406
2- Khấu hao trong năm	65.406.804	1.666.668	67.073.472
3- Số giảm trong năm	-	-	-
4- Số dư cuối năm	928.812.210	57.466.668	986.278.878
<b>III- Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình</b>			
1- Tại ngày đầu năm	769.818.194	-	769.818.194
2- Tại ngày cuối năm	704.411.390	18.333.332	722.744.722

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tổng chi phí xây dựng cơ bản dở dang	462.153.979	83.663.636
Trong đó:		
+ Công trình nhà kho tại Thủ Đức	205.335.817	83.663.636
+ Hệ thống thông tin Quản trị doanh nghiệp	256.818.162	-

11. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
<b>Nguyên giá bất động sản đầu tư</b>	<b>870.771.720</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>870.771.720</b>
- Quyền sử dụng đất				
- Nhà	870.771.720			870.771.720
- Nhà và quyền sử dụng đất				
- Cơ sở hạ tầng				
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	<b>474.652.355</b>	<b>35.054.808</b>	<b>-</b>	<b>509.707.163</b>
- Quyền sử dụng đất				
- Nhà	474.652.355	35.054.808		509.707.163
- Nhà và quyền sử dụng đất				
- Cơ sở hạ tầng				
<b>Giá trị còn lại của bất động sản đầu tư</b>	<b>396.119.365</b>	<b>(35.054.808)</b>	<b>-</b>	<b>361.064.557</b>
- Quyền sử dụng đất				
- Nhà	396.119.365	(35.054.808)		361.064.557
- Nhà và quyền sử dụng đất				
- Cơ sở hạ tầng				

12. Đầu tư dài hạn khác	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công trái và trái phiếu	91.600.000	91.600.000
<b>Cộng</b>		

  

13. Chi phí trả trước dài hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	27.609.497	45.755.501
- Chi phí tại Chi nhánh Đà Nẵng	28.843.546	67.301.602
- Chi phí tại Hiệu thuốc số 4		15.999.996
- Tiền đăng ký sử dụng gian hàng	121.363.641	150.000.000
<b>Cộng</b>	<b>177.816.684</b>	<b>279.057.099</b>

14. Vay ngắn hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
- Vay ngắn hạn ngân hàng (*)	22.323.259.990	8.909.517.815
- Nợ thuê tài chính đến hạn trả	204.223.237	129.039.845
+ Hợp đồng số 1995-06236 ngày 31/07/2006	145.915.164	129.039.845
+ Hợp đồng số 2168-07009 ngày 03/01/2007	58.308.073	
<b>Cộng</b>	<b>22.527.483.227</b>	<b>9.038.557.660</b>

(\*) Chi tiết số dư các khoản vay ngắn hạn

+ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	368.456,00	USD
+ Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	472.943,38	USD
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn	543.931,87	USD
	<b>1.385.333,25</b>	<b>USD</b>

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	Số cuối năm	Số đầu năm
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra	-	37.904.490
- Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	168.362.969	545.898.590
- Thuế xuất, nhập khẩu	18.596.900	40.564.919
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	296.253.175	385.392.031
- Các loại thuế khác	44.834.297	19.947.670
<b>Cộng</b>	<b>528.047.341</b>	<b>1.029.707.700</b>

Số liệu về khoản mục Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước sẽ được Cơ quan Thuế kiểm tra, thẩm định lại. Sau khi có quyết định chính thức của Cơ quan Thuế, những phát sinh chênh lệch (nếu có) sẽ được Công ty điều chỉnh vào giai đoạn sau.

16. Chi phí phải trả	Số cuối năm	Số đầu năm
- Chi phí thuê văn phòng Chi nhánh Hà Nội	58.884.000	29.442.000
- Phí kiểm toán		65.000.000
<b>Cộng</b>	<b>58.884.000</b>	<b>94.442.000</b>



**17. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tài sản thừa chờ giải quyết	1.492.920	1.492.920
- Kinh phí công đoàn	17.691.735	1.064.975
- Bảo hiểm xã hội	-	100.393
- Bảo hiểm y tế	-	803.222
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.113.287.454	4.370.367.615
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	3.203.240.000	1.628.960.000
- Phải trả, phải nộp khác	210.897.000	807.104.108
<b>Cộng</b>	<b>4.546.609.109</b>	<b>6.809.893.233</b>

**18. Các khoản vay và nợ dài hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Vay dài hạn ngân hàng (*)	472.500.000	
- Nợ dài hạn thuế tài chính (**)	168.440.258	245.648.496
<b>Cộng</b>	<b>640.940.258</b>	<b>245.648.496</b>

(\*) Đây là khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (MSB) - Chi nhánh Sài Gòn theo Hợp đồng tín dụng số 0025/07/SG ngày 21/06/2007. Thời hạn vay là 36 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên. Mục đích sử dụng vốn: Thanh toán tiền mua xe ô tô. Lãi suất vay 1,02 %/tháng. Biện pháp đảm bảo tiền vay: thế chấp xe ô tô hiệu Toyota biển số 502-0649.

(\*\*) Đây là số dư nợ các khoản thuế tài chính Công ty Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam, chi tiết như sau:

Hợp đồng thuê	Tài sản thuê	Số dư nợ
Số 1995-06236 ngày 31/07/2006	Xe Ford Everest 4X2 Diesel	95.360.973
Số 2168-07009 ngày 03/01/2007	Xe Hyundai H100 Porter	73.079.285
<b>Cộng</b>		<b>168.440.258</b>

**19. Vốn chủ sở hữu**

**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
- Số dư đầu năm trước	28.000.000.000	3.094.049.283	736.020.546	5.490.045.145	37.320.114.974
- Lãi trong năm trước				4.475.434.865	4.475.434.865
- Tạm trích quỹ		1.430.425.462	432.054.138	(3.590.696.156)	(1.728.216.556)
- Chia cổ tức				(4.200.000.000)	(4.200.000.000)
- Lương HĐQT, Ban Kiểm Sát				(438.249.877)	(438.249.877)
- Số dư cuối năm trước	28.000.000.000	4.524.474.745	1.168.074.684	1.736.533.977	35.429.083.406
- Số dư đầu năm nay	28.000.000.000	4.524.474.745	1.168.074.684	1.736.533.977	35.429.083.406
- Lợi nhuận tăng trong năm				4.591.075.169	4.591.075.169
- Tạm trích quỹ (*)		321.375.262	229.553.759	(1.469.144.054)	(918.215.033)
- Tạm chia cổ tức (*)				(3.360.000.000)	(3.360.000.000)
- Lương HĐQT, Ban Kiểm Sát				(148.366.486)	(148.366.486)
- Số dư cuối năm nay	28.000.000.000	4.845.850.007	1.397.628.443	1.350.098.606	35.593.577.056

(\*) Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị ngày 04/04/2008 về việc trích lập các quỹ Công ty năm 2007 và phương án chia cổ tức năm 2007 cho cổ đông Công ty YTECO:

- Quỹ dự phòng tài chính: trích 5% lợi nhuận sau thuế theo điều lệ Công ty (229.553.758 đồng);
- Quỹ đầu tư phát triển: trích 7% lợi nhuận sau thuế (321.375.262 đồng);
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi: trích 20% lợi nhuận sau thuế (918.215.034 đồng);
- Quỹ thù lao Hội đồng quản trị: thực tế phát sinh (148.366.486 đồng);
- Chia cổ tức cho cổ đông: phần còn lại (2.973.564.629 đồng)

Công ty chia cổ tức năm 2007 cho cổ đông với mức cổ tức bằng 12% mệnh giá cổ phiếu, tương đương 3.360.000.000 đồng từ nguồn lợi nhuận năm 2007 và những năm trước.

Việc trích lập các quỹ và chia cổ tức sẽ được thông qua tại Đại hội cổ đông được tổ chức sau ngày lập báo cáo này.

**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Vốn góp của Nhà nước	8.120.000.000	8.120.000.000
- Vốn góp của Công nhân viên Công ty	1.934.000.000	2.079.000.000
- Vốn góp của cá nhân	17.946.000.000	17.801.000.000
<b>Cộng</b>	<b>28.000.000.000</b>	<b>28.000.000.000</b>

**c. Cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	280.000	280.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	280.000	280.000
+ Cổ phiếu phổ thông	280.000	280.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	280.000	280.000
+ Cổ phiếu phổ thông	280.000	280.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 100.000 đồng.

**d. Các quỹ của doanh nghiệp**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển	4.845.850.007	4.524.474.745
- Quỹ dự phòng tài chính	1.397.628.443	1.168.074.684
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	962.546.748	976.650.707

\* Mục đích lập và trích các quỹ của doanh nghiệp

- Quỹ đầu tư phát triển: theo đề xuất của Hội đồng quản trị.
- Quỹ dự phòng tài chính: Dự phòng rủi ro tài chính và bổ sung vốn kinh doanh.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi:
  - + Quỹ khen thưởng dùng để khen thưởng cán bộ công nhân viên của Công ty vào những dịp lễ tết, nhằm khuyến khích người lao động.
  - + Quỹ phúc lợi dùng để ủng hộ người nghèo, các đoàn thể, tổ chức xã hội địa phương.

**VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

Đơn vị tính: VND

**20. Doanh thu**

	Năm nay	Năm trước
<b>- Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>226.932.182.327</b>	<b>174.517.583.831</b>
Trong đó:		
+ Tại Văn phòng Công ty	192.657.237.815	152.585.084.586
+ Hiệu thuốc số 1	3.823.777.908	8.961.281.695
+ Hiệu thuốc số 2	2.256.253.096	4.200.173.294
+ Hiệu thuốc số 3	659.856.677	3.596.885.493
+ Hiệu thuốc số 4	4.875.234.298	
+ Hiệu thuốc số 5	98.573.836	
+ Hiệu thuốc số 6	97.995.778	
+ Hiệu thuốc số 7	93.643.460	
+ Siêu thị thuốc		209.401.872
+ Chi nhánh Hà Nội	4.664.332.369	4.821.607.326
+ Chi nhánh Đà Nẵng	2.212.996.043	143.149.565
+ Chi nhánh Cần Thơ	15.492.281.047	
<b>- Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>2.174.154.855</b>	<b>3.998.129.917</b>
+ Chiết khấu thương mại	1.987.984	
+ Giảm giá hàng bán	-	3.212.306
+ Hàng bán bị trả lại	2.172.166.871	3.994.917.611
<b>- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>224.758.027.472</b>	<b>170.519.453.914</b>
+ Tại Văn phòng Công ty	190.740.039.290	148.586.954.669
+ Hiệu thuốc số 1	3.823.777.908	8.961.281.695
+ Hiệu thuốc số 2	2.256.253.096	4.200.173.294
+ Hiệu thuốc số 3	659.856.677	3.596.885.493
+ Hiệu thuốc số 4	4.875.234.298	
+ Hiệu thuốc số 5	98.573.836	
+ Hiệu thuốc số 6	97.995.778	
+ Hiệu thuốc số 7	93.643.460	
+ Siêu thị thuốc		209.401.872
+ Chi nhánh Hà Nội	4.601.033.157	4.821.607.326
+ Chi nhánh Đà Nẵng	2.150.048.466	143.149.565
+ Chi nhánh Cần Thơ	15.361.571.506	



21. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
+ Tại Văn phòng Công ty	177.234.013.321	136.560.316.753
+ Hiệu thuốc số 1	3.590.110.737	8.413.103.945
+ Hiệu thuốc số 2	2.095.999.572	4.090.882.118
+ Hiệu thuốc số 3	628.878.810	3.352.973.630
+ Hiệu thuốc số 4	4.463.964.443	
+ Hiệu thuốc số 5	90.270.219	
+ Hiệu thuốc số 6	89.693.393	
+ Hiệu thuốc số 7	71.818.605	
+ Siêu thị thuốc		195.229.493
+ Chi nhánh Hà Nội	4.256.094.294	4.651.738.758
+ Chi nhánh Đà Nẵng	1.987.978.672	137.455.571
+ Chi nhánh Cần Thơ	14.302.311.205	
<b>Cộng</b>	<b>268.811.135.271</b>	<b>157.401.700.268</b>

22. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi	1.238.341.333	1.123.650.378
- Thu khác	1.055.779.194	599.578.069
- Lãi chênh lệch tỷ giá	33.750.655	
<b>Cộng</b>	<b>2.327.871.182</b>	<b>1.723.228.447</b>

23. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền vay	989.070.466	38.601.997
- Chiết khấu thanh toán	388.295.131	367.439.420
- Lỗ chênh lệch tỷ giá		201.830.999
<b>Cộng</b>	<b>1.377.365.597</b>	<b>627.872.416</b>

24. Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6.386.293.286	6.345.756.707
Các khoản điều chỉnh tăng	25.199.991	333.964.157
Tổng số thu nhập chịu thuế trong năm hiện hành	6.411.493.277	6.679.720.864
Thuế suất phổ thông	28%	28%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.795.218.117	1.870.321.842

25. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	4.591.075.169	4.475.434.865
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ để phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	280.000	280.000
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	16.397	15.984

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Số 181 Nguyễn Đình Chiểu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

**VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ**

26. Trong năm, Công ty không có các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng.

**VIII. Những thông tin khác**

**Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006 đã được Công ty A&C kiểm toán. Số liệu này được phân loại lại cho phù hợp để so sánh với số liệu năm nay.

Người lập biểu

  
CN. Nguyễn Thị Thùy

Kế toán trưởng

  
Nguyễn Hải Hà

